**MA TRẬN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**

 **NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN ĐỊA LÍ**

| **CHƯƠNG/PHẦN** | **NỘI DUNG** | **Số câu hỏi** | **SỐ LỆNH HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **Tổng số lệnh hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I** | **PHẦN II** | **PHẦN III** |
| **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **1. Địa lí tự nhiên Việt Nam**  | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **2** |  |  | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **2. Địa lí dân cư Việt Nam** | Dân số, lao động và việc làm | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Đô thị hoá | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **3. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **2** |  | 1 |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề phát triển công nghiệp | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Vấn đề phát triển dịch vụ | **2** |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| **4. Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam** | Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **5. Kĩ năng** |  | **6** |  |  |  |  |  |  | 2 | 3 | 1 | **6** |
| **Tổng** | **28** | **2** | **9** | **7** | **8** | **4** | **4** | **2** | **3** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ %** |  | **5,0** | **22,5** | **17.5** | **20,0** | **10,0** | **10,0** | **5,0** | **7,5** | **2,5** | **100,0** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** |  |
| **TH** | **VD** | **VDC** | **Tổng số** |
| **1** | **Địa lí tự nhiên Việt Nam**  | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  | **Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. | **1** |  |  | **1** |
| Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **Vận dụng**Giải thích được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.**Vận dụng cao**– Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. |  | **1** | **1** | **2** |
| Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **Thông hiểu**– Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.**Vận dụng** – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.**Vận dụng cao**– Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. | **2** | **1** | **2** | **5** |
| Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môitrường | **Vận dụng** – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.  |  | **1** |  | **1** |
| **2** | **Địa lí dân cư Việt Nam** | Dân số | **Thông hiểu**– Trình bày được đặc điểm dân số nước ta.**Vận dụng**- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số.**Vận dụng cao**– Sử dụng được số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam.  | **2** | **1** | **1** | **4** |
| Đô thị hoá | **Vận dụng** – Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. |  | **1** |  | **1** |
| **3** | **Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **Thông hiểu**– Giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. | 1 |  |  | **1** |
| Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **Thông hiểu**– Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp.– Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi).– Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thuỷ sản.**Vận dụng** – Trình bày được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới.– Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta.– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp.– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thuỷ sản.– Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.**Vận dụng cao**– Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta. – Trình bày được vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng.-Nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản. | 2 | 2 | 1 | **5** |
| Vấn đề phát triển công nghiệp | **Vận dụng** – Nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp. – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp.**Vận dụng cao**- Giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. |  | 1 | 1 | **2** |
| Vấn đề phát triển dịch vụ | **Vận dụng** – Nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại và du lịch). |  | 2 |  | **2** |
| **4** | **Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam** | Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **Vận dụng cao**– Nêu được ý nghĩa, hướng phát triển kinh tế của vùng. |  |  | 1 | **1** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **Vận dụng**– Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ. |  | 1 |  | **1** |
| Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **Vận dụng cao**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng. |  |  | 1 | **1** |
| Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **Vận dụng cao**– Nêu được ý nghĩa, định hướng phát triển kinh tế biển của vùng. |  |  | 1 | **1** |
| Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **Thông hiểu**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.**Vận dụng**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.**Vận dụng cao**– Trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng. – Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. | 2 | 1 | 1 | **4** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **Vận dụng** – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. |  | 1 |  | 1 |
| Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | **Vận dụng cao**- Trình bày được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. |  |  | 1 | **1** |
| **3** | **Kĩ năng** | 6 | Xử lí số liệu | 2 | 3 | 1 | **6** |
| **Tổng số** | **12** | **16** | **12** | **40** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT BÌNH MINH**………………………….. | **ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 12 THPT CẤP TỈNH****Năm 2024****MÔN: ĐỊA LÍ**Thời gian làm bài: 50 phút*(Đề thị gồm 28 câu trong 05 trang)* |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1. TH** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa vị trí địa lí nước ta?

**A.** Tạo điều kiện chung sống hòa bình với các nước Đông Nam Á.

**B.** Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** Tạo điều kiện để xây dựng nền văn hóa đồng nhất trong khu vực.

**D.** Tạo điều kiện cho việc phát triển giao thông đường biển quốc tế.

**Câu 2.VD** Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Trung Bộ nước ta?

**A.** Gió mùa Đông Bắc, gió Tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

**B.**Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

**D.** Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới, bão.

**Câu 3. VDC** Khí hậu với độ ẩm cao ảnh hưởng như thế nào tới sản xuất nông nghiệp nước ta ?

**A.**Thuận lợi cho việc nâng cao năng suất, sản lượng của sản phẩm.

**B.** Thuận lợi cho việc phòng chống sâu hại, dịch bệnh thường diễn ra.

**C.** Khó khăn cho việc thực hiện đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.

**D.** Khó khăn cho việc canh tác các cây có nguồn gốc cận nhiệt.

**Câu 4.VDC** Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây ở vùng đồi núi mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A**. Phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đa dạng.

**B**. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh cây lương thực và ăn quả.

**C**. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chủ yếu phát triển các cây lương thực.

**D**. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chỉ thuận lợi cho việc trồng lúa nước.

**Câu 5. VD** Biện pháp hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay

 **A.** tăng độ che phủ, xây dựng các công trình giữ nước.

 **B.** xử lí nghiêm hành vi xả nước bẩn ra môi trường.

**C.** tăng độ che phủ, canh tác đúng kĩ thuật trên đất dốc.

**D.** sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và chống ô nhiễm nước.

**Câu 6. VD** Đô thị hóa nước ta có sức hút với đầu tư chủ yếu do

 **A.**dân đông, nhiều lao động kĩ thuật, hạ tầng tốt.

 **B.** có khả năng mở rộng, thu hút nhiều lao động.

**C.** giao thông thuận lợi, có khả năng liên kết cao.

**D.** thị trường rộng, dân trí cao, sản xuất đa dạng.

**Câu 7. TH** Khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nước ta có tài nguyên thiên nhiên và lao động dồi dào.

**B.** Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất.

**C.** Xu hướng của thế giới và tác động cách mạng khoa học kĩ thuật.

**D.** Đường lối chính sách, phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**Câu 8. VD** Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây, chủ yếu do

**A.** giá thành thấp, ít bị cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

**B.** mở rộng thị trường, đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

**C.** áp dụng tiến bộ khoa học, kĩ thuật vào trong sản xuất.

**D.** Nhà nước có các chính sách hỗ trợ, ưu tiên phát triển.

**Câu 9. VD** Ngành công nghiệp mũi nhọn mang lại hiệu quả cao về mặt kinh tế thế hiện qua việc

**A.** góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng các ngành, phục vụ công nghiệp hóa.

**B.** nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy các ngành phát triển.

**C.** phục vụ đời sống nhân dân, nâng cao chất lượng lao động, thúc đẩy dịch vụ.

**D.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ đời sống cho người dân.

**Câu 10. VDC** Các khu công nghiệp ngày càng xuất hiện nhiều trên lãnh thổ nước ta chủ yếu là do

**A.** mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy lợi thế tài nguyên, lao động.

**B.** phát huy lợi thế về tài nguyên, mở rộng thị trường ở trong nước.

**C.** đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tăng trưởng kinh tế.

**D.** giải quyết lao động, tận dụng triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 11.VD** Ý nào sau đây là đúng về vai trò của nhân tố chính sách đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ nước ta?

**A.** Định hướng, tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.

**B.** Nâng cao chất lượng, mở rộng các loại hình dịch vụ.

**C.** Phát triển bền vững, chuyển đổi số trong ngành dịch vụ.

**D.** Tăng tốc độ phát triển, đa dạng hoá cơ cấu ngành dịch vụ.

**Câu** **12. VD** Ngành dịch vụ tiêu dùng ở nước ta ngày càng phát triển là do tác động của

**A.** Công nghiệp phát triển, đô thị hóa nhanh, nhu cầu việc làm tăng.

**B.** Thay đổi dân số, đô thị hóa phát triển, trình độ phát triển kinh tế.

**C.** Mức độ tập trung dân cư, nhu cầu việc làm, đô thị hóa phát triển.

**D.** Trình độ khoa học kĩ thuật, mức sống, năng suất lao động xã hội.

**Câu 13.VDC** Phương hướng nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đảm bảo việcvận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùngtiêu thụ, nhập giống chất lượng.

**B.** Cải tạo, nâng cao năng suất các đồng cỏ, phát triển hệ thống chuồng trại, dịch vụ thúy.

**C.** Tăng cường hệ thống chuồng trại, đẩymạnh việc chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.

**D.** Đảm bảo tốt việc vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ, cải tạo các đồng cỏ.

**Câu 14. VD** Biện pháp chủ yếu phát triển dịch vụ tiêu dùng ở Đồng bằng Sông Hồng là

**A.** tăng sản xuất hàng hóa, nâng cao mức sống. **B.** mở rộng đô thị, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng.

**C.** đa dạng ngành sản xuất, mở rộng thị trường. **D.** thúc đẩy sản xuất, mở rộng hội nhập quốc tế.

**Câu 15.VDC** Việc phát triển các cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, hình thành cơ cấu kinh tế chung.

 **B.** Sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai.

 **C.** Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, giải quyết việc làm, tăng hiệu quả đầu tư.

**D.** Tạo nguồn hàng xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tạo thế liên hoàn theo không gian.

**Câu 16. VDC** Biện pháp chủ yếu nhằm phát triển ngành thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** giảm hoạt động khai thác, tập trung chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

**B.** đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác hợp lý, phát triển công nghiệp chế biến.

**C.** đầu tư phương tiện, mở rộng ngư trường, tăng cường chế biến.

**D.** hạn chế đánh bắt xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng, phát triển chế biến.

**Câu 17. VD** Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ chủ yếu do

**A.** công nghiệp phát triển mạnh, thu hút vốn đầu tư, trình độ lao độngcao.

**B.** điều kiện tự nhiên thuận lợi, ưu thế về khoa học kĩ thuật, mức sốngcao.

**C.** kinh tế phát triển nhất cả nước, quy mô dân số đông, nhiều đô thị lớn.

**D.** vị trí địa lí thuận lợi, tăng trưởng kinh tế nhanh, lao động nhập cư nhiều.

**Câu 18. VDC** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** tạo nguyên liệu cho chế biến, tăng chất lượng sản phẩm, sử dụng tốt tài nguyên.

**B**. thích ứng biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hiệu quả sản xuất.

**C.** sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, cưng cấp nguồn hàng xuất khẩu, tạo việc làm.

**D.** tăng sản lượng cây trồng, đa dạng sản phẩm nông nghiệp, mở rộng thị trường.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.**Cho thông tin sau:

 Đặc trưng về khí hậu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt độ giảm. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản sự xâm nhập trực tiếp của gió mùa Đông Bắc vào khu vực Tây Bắc làm cho mùa đông ở Tây Bắc ấm và ngắn hơn Đông Bắc. Do tác động bức chắn của dãy Trường Sơn Bắc, hình thành gió Tây khô nóng ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ.

 **a)** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có một mùa đông đến muộn và kết thúc sớm, nhiệt độ hạ thấp trong mùa đông chủ yếu do độ cao địa hình.

 **b)** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cómùa hạ đến sớm do hoạt động của gió mùa tây nam có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

 **c)** Vị trí và đặc điểm lãnh thổ là nguyên nhân chính khiến cho gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị biến tính, suy yếu.

 **d)** Do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ toàn bộ miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Số dân, GDP và thu nhập bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 2010 - 2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2018** | **2021** |
| Số dân *(Triệu người)* | 87,0 | 94,7 | 98,5 |
| GDP *(Nghìn tỉ đồng)* | 2 739,8 | 70 090,4 | 84 874,8 |
| Thu nhập bình quân đầu người một tháng *(Nghìn đồng/người)* | 1 387 | 3 874 | 4 673 |

 *(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)*

 **a)** Quy mô dân số và GDP tăng đều qua các năm, trong đó GDP có tốc độ tăng nhanh hơn.

 **b)** Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta tăng liên tục từ 2010 đến 2021 do thành tựu của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

 **c)** Quy mô dân số của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 tăng nhanh do quy mô dân số lớn, số người trong độ tuổi sinh nở nhiều.

 **d)** Thu nhập bình quân đầu người của nước ta năm 2021 gấp gần 3,4 lần năm 2010.

**Câu 3.Cho thông tin sau:**

 Một số cây công nghiệp lâu năm có giá trị ngày càng được mở rộng, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điểu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cà phê, hồ tiêu và điều hàng đầu thế giới.

 **a)** Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu có nguồn gốc nhiệt đới.

 **b)**Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp có vai trò quan trọng chủ yếu nhằm nâng cao sản lượng các sản phẩm, bảo vệ tài nguyên môi trường.

 **c)** Giải pháp để giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp là đa dạng cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh chế biến.

 **d)** Việc phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Tây Nguyên chủ yếu do khí hậu có một mùa đông lạnh.

**Câu 4.Cho thông tin sau:**

 Mục tiêu quy hoạch đến năm 2050, vùng Tây Nguyên là vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Theo hướng phát triển, vùng Tây Nguyên phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung áp dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng.

(Nguồn: <https://laodong.vn/thoi-su/tay-nguyen-phat-trien-kinh-te-nong-nghiep-quy-mo-lon-gan-voi-cong-nghe-cao-1336483.ldo>)

 **a)**Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế, nhất là nông nghiệp.

 **b)**Để phát triển kinh tế theo hướng bền vững, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thì Tây Nguyên cần tận dụng mọi tiềm năng, nhất là về khoáng sản.

 **c)**Tây Nguyên có cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng do sự phong phú về tài nguyên đất đai, địa hình, khí hậu.

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển ngành du lịch ở Tây Nguyên là thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.Cho bảng số liệu:**

# Số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021

# *(Đơn vị: giờ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Số giờ nắng | 79,2 | 76,0 | 22,6 | 71,6 | 197,4 | 169,8 | 207,3 | 163,4 | 134,8 | 188,0 | 98,7 | 106,6 |

#  (*Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)*

# Căn cứ vào bảng số liệu trên tính tổng số giờ nắng của Hà Nội năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

**Câu 2.**Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh**

*(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa | 27,4 | 77,2 | 68,8 | 110,8 | 280,7 | 63,8 | 255,6 | 166,3 | 1166,7 | 352,0 | 718,6 | 47,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tổng lượng mưa của mùa mưa ở Vinh năm 2022 gấp bao nhiêu lầntổng lượng mưa của mùa khô? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

 *(Đơn vị : ‰)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** |
| Tỉ lệ sinh | 17,1 | 16,2 | 16,3 | 16,3 | 15,7 | 15,2 |
| Tỉ lệ tử | 6,8 | 6,8 | 6,3 | 6,06 | 6,4 | 6,1 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Cho biếttỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010?*(làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân)*

**Câu 4.**Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2023 là 7,12 triệu ha, sản lượng là 43,5 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tạ/ha?*(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

NDL

**Câu 5.**Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tếở nước ta năm 2010 và 2021**

*(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Khu vực kinh tế nhà nước | 636,5 | 846,7 |
| Khu vực kinh tế ngoài nhà nước | 843,6 | 4481,2 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 1565,5 | 7698,8 |
| **Tổng** | **3045,6** | **13026,8** |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng thêm gấp bao nhiêu lần phần tăng thêm của khu vực ngoài Nhà nước? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)*

**Câu 6**.Khi ở Việt Nam là 7h thì ở Ottawa, Canada ( múi giờ số -5) là mấy giờ?

**-**-----------Hết------------

**TRƯỜNG THPT BÌNH MINH** **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI**

 **ƯỜNG THPT BÌNH MINHrong 4 CHỌN HSG LỚP 12 THPT CẤP TỈNH**

**………………………** **Năm 2024**

 MÔN: ĐỊA LÍ

*(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)*

**I. ĐÁP ÁN**

 **PHẦN I(mỗi ý đúng được 0,25 đ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **C** |  | **10** | **C** |
| **2** | **B** |  | **11** | **A** |
| **3** | **A** |  | **12** | **B** |
| **4** | **A** |  | **13** | **D** |
| **5** | **C** |  | **14** | **A** |
| **6** | **A** |  | **15** | **A** |
| **7** | **D** |  | **16** | **B** |
| **8** | **B** |  | **17** | **C** |
| **9** | **A** |  | **18** | **B** |

**PHẦN II(trong mỗi câu: đúng 1 ý được 0,1đ, 2 ý được 025đ, 3 ý được 0,5đ, 4 ý được 1đ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Đáp án** | **Câu** | **Ý** | **Đáp án** |
| **1** | **a** | **Đ** | **3** | **a** | **Đ** |
| **b** | **Đ** | **b** | **S** |
| **c** | **S** | **c** | **Đ** |
| **d** | **S** | **d** | **S** |
| **2** | **a** | **S** | **4** | **a** | **Đ** |
| **b** | **Đ** | **b** | **S** |
| **c** | **S** | **c** | **Đ** |
| **d** | **Đ** | **d** | **Đ** |

**PHẦN III (mỗi câu đúng được 0,25 đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **1515** |
| **2** | **3,9** |
| **3** | **0,12** |
| **4** | **61** |
| **5** | **1,7** |
| **6** | **19** |

**II. TÓM TẮT LỜI GIẢI**

**PHẦN I**

**Câu 1.** Mức độ thông hiểu, đáp án C**.**

**🡪**Nước ta có nền văn hóa phong phú, đa dạng chứ không phải là đồng nhất

**Câu 2.** Mức độ vận dụng, đáp án B **.**

**🡪**Gió mùa Tây Nam có tầng ẩm dày, dải hội tụ và bão gây mưa nhiều, Trung Bộ lại nằm ở sườn đón các loại gió có hướng đông bắc.

**Câu 3.** Mức độ vận dụng cao, đáp án A **.**

**🡪**Độ ẩm cao tạo điều kiện cho sinh vật sinh trưởng và phát triển

**Câu 4.** Mức độ vận dụng cao, đáp án A **.**

**🡪**Sự phân hóa thiên nhiên tạo nên sự đa dạng về các điều kiện sinh thái nông nghiệp, từ đó tạo nên sự đa dạng về cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng.

**Câu 5.** Mức độ vận dụng, đáp án C **.**

**🡪**Trồng rừng góp phần điều hòa nguồn nước, canh tác đúng kĩ thuật hạn chế sử dụng lãng phí nguồn nước

**Câu 6.** Mức độ vận dụng, đáp án A**.**

**🡪**Dân số đông, lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng hoàn thiện thuận lợi cho thu hút đầu tư.

**Câu 7.** Mức độ thông hiểu, đáp án D **.**

**🡪**Hiện nay nước ta đang có nhiều chính sách thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**Câu 8.** Mức độ vận dụng, đáp án B **.**

**🡪**Thị trường mở rộng nên việc tiêu thụ thuận lợi hơn, chế biến làm tăng chất lượng sản phẩm

**Câu 9.** Mức độ vận dụng, đáp án A **.**

**🡪**Ngành công nghiệp mũi nhọn thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác, mang lại hiệu quả cao.

**Câu 10.** Mức độ vận dụng cao, đáp án C **.**

**🡪**Nước ta có nhiều chính sách thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp

**Câu 11.** Mức độ vận dụng, đáp án A **.**

**🡪**Chính sách định hướng sự phát triển của nhiều ngành dịch vụ như thương mại, tài chính, du lịch…, tạo thuận lợi cho các ngành cùng phát triển.

**Câu 12.** Mức độ vận dụng, đáp án B **.**

**🡪**Kinh tế càng phát triển, dân số càng đông, đô thị hóa càng phát triển thì nhu cầu tiêu dùng của người dân càng lớn.

**Câu 13.** Mức độ vận dụng cao, đáp án D **.**

**🡪**Đảm bảo việc vận chuyển giúp tiêu thụ hàng hóa nhanh chóng, cải tạo đồng cỏ đảm bảo nguồn thức ăn.

**Câu 14 .** Mức độ vận dụng, đáp án A **.**

**🡪**Tăng sản xuất hàng hóa sẽ tạo ra nhiều hàng hơn, mức sống nâng cao thì nhu cầu tiêu dùng sẽ càng lớn.

**Câu 15.** Mức độ vận dụng cao, đáp án A **.**

**🡪**Cây công nghiệp hàng năm như lạc, mía…thuận lợi phát triển ở Bắc Trung Bộ, từ đó tạo ra sản lượng lớn, tăng thu nhập cho người dân.

**Câu 16.** Mức độ vận dụng cao, đáp án B **.**

**🡪**Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thuận lợi để phát triển cả nuôi trồng và đánh bắt, đẩy mạnh chế biến làm tăng chất lượng và giá trị sản phẩm.

**Câu 17.** Mức độ vận dụng, đáp án C **.**

**🡪**Kinh tế càng phát triển càng thúc đẩy dịch vụ phát triển, dân đông – đô thị lớn thúc đẩy nhiều ngành dịch vụ như thương mại, du lịch, y tế, giáo dục…

**Câu 18.** Mức độ vận dụng cao, đáp án C **.**

**🡪**Chuyển đổi cơ cấu cây trồng để phù hợp với sự biến đổi của tự nhiên, đáp ứng nhu cầu thay đổi của thị trường, từ đó nâng cao hiệu quả.

**PHẦN II**

**Câu 1.**

1. **Đúng**

Tây Bắc nằm khuất sau dãy Hoàng Liên Sơn nên mùa đông đến muộn kết thúc sớm nhưng do có độ cao lớn nên mùa đông vẫn lạnh

1. **Đúng**

Đầu hạ miền chịu ảnh hưởng của gió phơn tây nam khô nóng.

1. **Sai**

Gió mùa Đông Bắc suy yếu là do vị trí và hướng địa hình

1. **Sai**

Chỉ phía nam của miền chịu ảnh hưởng của gió phơn tây nam.

**Câu 2.**

1. **Sai**

GDP tăng nhanh hơn dân số

1. **Đúng**

Do thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên năng suất lao động ngày càng tăng.

1. **Sai**

Giai đoạn 2010 – 2021 dân số tăng ở mức trung bình

1. **Đúng**

Thu nhập bình quân đầu người từ 2010 đến 2021 tăng 3,37 lần.

**Câu 3.**

1. **Đúng**

Do Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo nên chủ yếu là cây nhiệt đới

1. **Sai**

Việc hình thành vùng chuyên canh chủ yếu để nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tạo khối lượng hàng hóa lớn đáp ứng nhu cầu thị trường.

1. **Đúng**

Thực hiện đa dạng cơ cấu cây trồng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, chế biến làm tăng chất lượng sản phẩm góp phần đẩy mạnh tiêu thụ

1. **Sai**

Tây Nguyên có một số cao nguyên, nhiệt độ hạ thấp nên trong được cây cận nhiệt

**Câu 4.**

1. **Đúng**

Tây Nguyên có nhiều thế mạnh về địa hình, đất,…thuận lợi cho nông nghiệp

1. **Sai**

Tây Nguyên không có nhiều khoáng sản, chỉ có bô xit là đáng kể.

1. **Đúng**

Tây Nguyên có sự phân hóa về đất đai, địa hình, khí hậu từ đó tạo nên cơ cấu cây trồng đa dạng.

1. **Đúng**

Du lịch phát triển sẽ mang lại thu nhập cho người dân, thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng ngành dịch vụ.

**PHẦN III**

**Câu 1.**

**Trả lời**

# Đáp án: 79,2+76,0+22,6+71,6+197,4+169,8+207,3+163,4+134,8+188,0+98,7+106,6 ≈ 1515

**Câu 2.**

**Trả lời**

 Tổng lượng mưa vào mùa mưa: 255,6+166,3+1166,7+352+718,6= 2659,2 mm

Tổng lượng mưa vào mùa khô: 47,2+27,4+77,2+68,8+110,8+280,7+63,8= 675,9 mm

🡪Đáp án: 2659,2 : 675,9 = 3,9 lần

**Câu 3.**

**Trả lời**

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2010: 17,1 - 6,8 = 10,3‰ = 1,03%

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2022: 15,2 - 6,1 = 9,1‰ = 0,91%

Đáp án: 1,03 - 0,91 = 0,12 %

**Câu 4.**

**Trả lời**

Đáp án: 43,9 : 7,2 = 6,109 tấn/ha = 61 tạ/ha

**Câu 5.**

**Trả lời**

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng thêm là: 7698,8 - 1565,5 = 6133,3 nghìn tỉ đồng.

- Khu vực ngoài Nhà nước tăng thêm là: 4481,2 - 843,6 = 3637,6 nghìn tỉ đồng.

Đáp án: 6133,3 : 3637,6 ≈ 1,7 lần

**Câu 6**.

**Trả lời**

Việt Nam nằm ở múi giờ số 7, lớn hơn Ottawa: 7 – (-5) = 12 múi giờ

Vậy khi Việt Nam là 7h thì ở Ottawa sẽ là: 7h – 12 = 19h

------------------Hết---------------

**THÔNG TIN VỀ ĐỀ THI**

**TÊN FILE ĐỀ THI:** 8\_Diali\_TR18\_HSG12THPT\_2024\_DE\_SO\_3

**TỔNG SỐ TRANG (GỒM ĐỀ THI VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM) LÀ: 09 TRANG.**

Họ và tên người ra đề thi: Trần Thị Loan

Đơn vị công tác: Trường THPT Bình Minh

Số điện thoại: 0973841811